

# HƯỚNG DẪN KHAI BÁO LÀM THÊM DÀNH CHO SINH VIÊN QUỐC TẾ

Sinh viên quốc tế (D-2) trước khi đi làm thêm, phải thông qua trường xin Giấy phép làm thêm từ Văn phòng người nước ngoài – Cục quản lý xuất nhập cảnh Jeonju. Trường hợp **đi làm thêm không khai báo sẽ bị xử phạt “lao động trái phép” theo Luật quản lý xuất nhập cảnh**

## ■ Đối tượng đăng ký

► Du học sinh, sinh viên trao đổi trong quá trình học đại học hoặc cao học (D-2)

- Điểm trung bình học kì trước từ C(2.0) trở lên tính tại ngày đăng ký

※ Không thuộc đối tượng đăng ký: Sinh viên gia hạn học kỳ vì nợ TOPIK, nợ luận văn, thiếu tín chỉ...

## ■ Thời gian cho phép làm thêm (Tiêu chuẩn của du học sinh trường đại học Jeonju)

| Phân loại | Năm học        | Thời gian được phép làm thêm                                                                 |                                            |                     |
|-----------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------|
|           |                | Tiêu chuẩn năng lực tiếng<br>① Năng lực tiếng Hàn (TOPIK) hoặc ② Hội nhập xã hội (KIIP)      | Ngày thường                                | Cuối tuần – Kỳ nghỉ |
| Đại học   | Năm 1~2        | ① TOPIK cấp 2 trở xuống<br>② Hoàn thành KIIP cấp 2 trở xuống hoặc thi đầu vào dưới 61 điểm   | 10 tiếng<br>(Bao gồm cuối tuần và kỳ nghỉ) |                     |
|           |                | ① TOPIK cấp 3 trở lên<br>② Hoàn thành KIIP cấp 3 trở lên hoặc thi đầu vào từ 61 điểm trở lên | 25 tiếng                                   | Không hạn chế       |
|           | Năm 3~4        | ① TOPIK cấp 3 trở xuống<br>② Hoàn thành KIIP cấp 3 trở xuống hoặc thi đầu vào dưới 81 điểm   | 10 tiếng<br>(Bao gồm cuối tuần và kỳ nghỉ) |                     |
|           |                | ① TOPIK cấp 4 trở lên<br>② Hoàn thành KIIP cấp 4 trở lên hoặc thi đầu vào từ 81 điểm trở lên | 25 tiếng                                   | Không hạn chế       |
| Cao học   | Đang học       | ① TOPIK cấp 3 trở xuống<br>② Hoàn thành KIIP cấp 3 trở xuống hoặc thi đầu vào dưới 81 điểm   | 15 tiếng<br>(Bao gồm cuối tuần và kỳ nghỉ) |                     |
|           |                | ① TOPIK cấp 4 trở lên<br>② Hoàn thành KIIP cấp 4 trở lên hoặc thi đầu vào từ 81 điểm trở lên | 30 tiếng                                   | Không hạn chế       |
|           | Chờ tốt nghiệp | ① TOPIK cấp 4 trở lên<br>② Hoàn thành KIIP cấp 4 trở lên hoặc thi đầu vào từ 81 điểm trở lên | 30 tiếng<br>(Bao gồm cuối tuần và kỳ nghỉ) |                     |

※ Đặc biệt đối với sinh viên học bằng tiếng Anh: không phân biệt năm học, khi đạt TOEFL 530(CBT 197, iBT 71), IELTS 5.5, CEFR B2, TEPS 601(NEW TEPS 327) trở lên đủ điều kiện đăng ký

## ■ Lĩnh vực hạn chế làm thêm

► Gia sư, giao hàng, khoảng cách xa (trên 1 tiếng), xưởng sản xuất, lao động thời vụ, điểm vui chơi giải trí và các lĩnh vực không phù hợp với sinh viên du học (tuy nhiên, sinh viên có TOPIK 4 trở lên có thể làm việc trong xưởng sản xuất)

## ※ Các trường hợp ngoại lệ

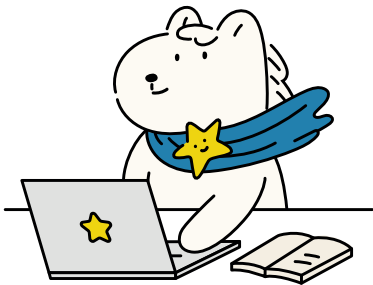
- Nhận tiền công, thưởng hoặc các khoản khác liên quan đến cuộc sống hàng ngày nhưng không vi phạm tính chất cơ bản của hoạt động du học hoặc công việc không phải là nghề nghiệp mà chỉ là các hoạt động tạm thời như trợ giảng, sinh viên làm việc trong trường và các hoạt động tương tự.
- Nhận lương từ việc làm các công việc hỗ trợ hàng ngày hoặc hỗ trợ văn phòng tạm thời, thông dịch cho cảnh sát, tư vấn, đánh giá, tham gia sự kiện, xuất hiện tạm thời trong phim hoặc chương trình truyền hình (1 lần và không liên tục) và các hoạt động tương tự.

# CÁCH KHAI BÁO LÀM THÊM VÀ TIỀN PHẠT



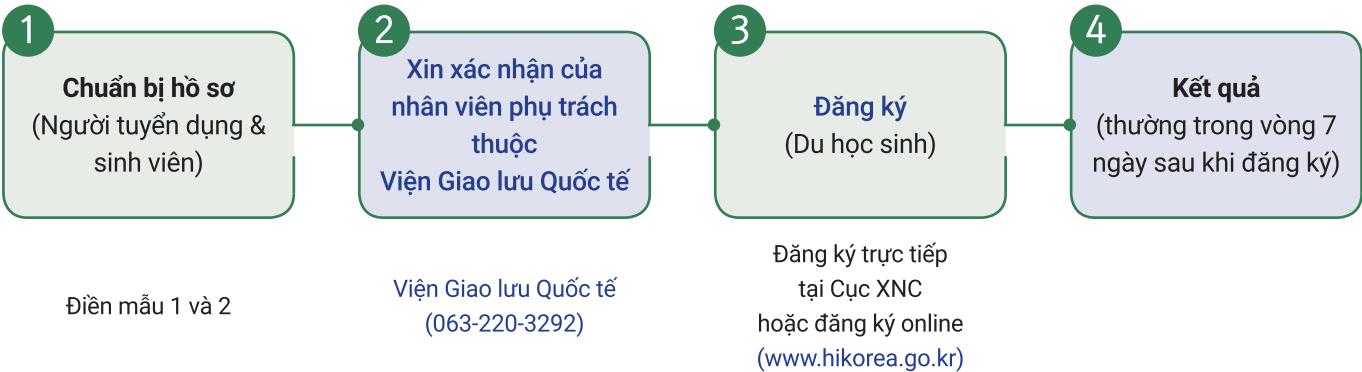
## ■ Hồ sơ cần chuẩn bị

| Hồ sơ khai báo làm thêm                                                                                      |                                                                                                                                                         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Người tuyển dụng                                                                                             | Sinh viên                                                                                                                                               |
| <ul style="list-style-type: none"><li>표준근로계약서(Mẫu1)</li><li>시간제취업확인서(Mẫu2)</li><li>사업자등록증(Bản sao)</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>여권(Hộ chiếu)</li><li>외국인등록증(Thẻ ngoại quốc)</li><li>성적증명서(Bảng điểm)</li><li>TOPIK 성적표(Chứng chỉ TOPIK)</li></ul> |



※ Mẫu 1 và mẫu 2 có thể tải trên trang web của Viện Giao lưu Quốc tế: [jj.ac.kr/oia](http://jj.ac.kr/oia) → 게시판 → 자료실 → Tìm thông báo số 36

## ■ Quy trình khai báo làm thêm



{ Văn phòng Viện Giao lưu Quốc tế Đại học Jeonju  
Luôn luôn hướng dẫn sinh viên nhiệt tình và chu đáo }

## ■ Mức tiền phạt theo quy định của Cục xuất nhập cảnh khi lao động bất hợp pháp

| Mức tiền phạt theo thời gian làm thêm<br>Không được cho phép                                                                                                                                     | Sinh viên                                                 |                                                                                                                                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                  | Không đăng ký                                             | Có đăng ký nhưng vi phạm                                                                                                              |
| Dưới 1 tháng: 2,000,000won<br>1 tháng ~ Dưới 3 tháng: 3,000,000won<br>3 tháng ~ Dưới 6 tháng: 4,000,000won<br>Dưới 1 năm: 7,000,000won<br>Dưới 2 năm: 10,000,000won<br>Trên 5 năm: 20,000,000won | Lần 1: phạt tiền + cảnh cáo<br>Lần 2: cưỡng chế xuất cảnh | Lần 1: phạt tiền + cảnh cáo<br>Lần 2: phạt tiền + không được phép đi làm thêm trong cả quá trình du học<br>Lần 3: cưỡng chế xuất cảnh |

- ※ Đối với ngành xây dựng, sinh viên lao động bất hợp pháp không có ngoại trừ, khi vi phạm sẽ cưỡng chế xuất cảnh ngay lập tức.
- ※ Người có tổng số tiền phạt hoặc xử lý cảnh cáo do làm thêm không đăng kí trong vòng 3 năm gần đây vượt quá 2 triệu won sẽ không đổi được visa D-10 ( visa tìm việc) sau tốt nghiệp



전주대학교  
국제교류원



063-220-3292



법무부 외국인종합안내센터(국번없이) 1345